

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ : CÁI ĐẸP

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Làm quen với các câu tục ngữ liên quan đến cái đẹp. Biết nêu những hoàn cảnh sử dụng các câu tục ngữ đó.
2. Tiếp tục mở rộng, hệ thống hoá vốn từ, nắm nghĩa các từ miêu tả mức độ cao của cái đẹp, biết đặt câu với các từ đó.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Bảng phụ ghi sẵn nội dung bảng ở BT1 (có thể trình bày kiểu khác SGK – xem mẫu ở dưới). Một số tờ giấy khổ to để HS làm BT3, 4.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

GV kiểm tra 2 HS đọc lại đoạn văn kể lại cuộc nói chuyện giữa em và bố mẹ... có dùng dấu gạch ngang (BT.III.2, tiết LTVC trước).

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài. GV nêu MĐ, YC của giờ học.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài tập 1

– HS đọc yêu cầu của BT, cùng bạn trao đổi, làm bài vào vở hoặc VBT.

– HS phát biểu ý kiến. GV mở bảng phụ đã kẻ bảng ở BT1, mời 1 HS có ý kiến đúng lên bảng đánh dấu + vào cột chỉ nghĩa thích hợp với từng câu tục ngữ, chốt lại lời giải đúng :

Tục ngữ	Nghĩa	Phẩm chất quý hơn vẻ đẹp bên ngoài	Hình thức thường thống nhất với nội dung
<i>Tốt gỗ hơn tốt nước sơn</i>		+	
<i>Người thanh tiếng nói cũng thanh Chuông kêu khê đánh ... cũng kêu</i>			+
<i>Cái nét đánh chết cái đẹp</i>		+	
<i>Trông mặt mà bắt hình dong Con lợn có béo thì lòng mới ngon</i>			+

– HS nhắm HTL các câu tục ngữ. Thi đọc thuộc lòng.

Bài tập 2

- HS đọc yêu cầu của BT2.
- GV mời một HS khá, giỏi làm mẫu : nêu một trường hợp có thể dùng câu tục ngữ *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*. VD :

Bà dẫn em đi mua cặp sách. Em thích một chiếc cặp có màu sắc sặc sỡ, nhưng bà lại khuyên em chọn một chiếc có quai đeo chắc chắn, khoá dễ đóng mở và có nhiều ngăn. Em còn đang ngần ngừ thì bà bảo : "*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*, cháu ạ. Cái cặp kia màu sắc vui mắt đấy, nhưng ba bảy hôm một ngày là hỏng thôi. Cái này không đẹp bằng nhưng bền mà tiện lợi."

- HS suy nghĩ, tìm những trường hợp có thể sử dụng 1 trong 4 câu tục ngữ nói trên. GV có thể cho HS thảo luận nhóm nếu thấy ít HS tìm được ví dụ.

- HS phát biểu ý kiến. VD :

+ Bạn Linh ở lớp em học giỏi, ngoan ngoãn, nói năng rất dễ thương. Một lần bạn đến chơi nhà em, khi bạn về, mẹ em bảo : "Bạn con nói năng thật dễ nghe. Đúng là : *Người thanh tiếng nói cũng thanh. Chuông kêu khẽ đánh bên thành cũng kêu.*"

+ Em thích ăn mặc đẹp và rất hay ngắm vuốt trước gương. Bà thấy vậy thường cười bảo em : "Cháu của bà làm đom quá ! Đừng quên là *Cái nét đánh chết cái đẹp* đấy nhé. Phải chịu rèn luyện để có những đức tính tốt của con gái cháu ạ !"

+ Em theo mẹ ra chợ mua cam. Cô bán cam mời mẹ : "Chị mua cho em đi. Những quả cam đẹp thế này, không mua cũng hoài." Mẹ cười : "Cam đẹp thật, nhưng chẳng biết có ngon không ?" Cô bán hàng nhanh nhẩu : "Ngon chứ chị. *Trông mặt mà bắt hình dong. Con lợn có béo thì lòng mới ngon* mà chị."

Lưu ý GV : Các hiện tượng hoặc nhận định nêu trong các câu tục ngữ nhiều khi trái ngược nhau (so sánh : *Con lợn có béo thì lòng mới ngon / Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*). Điều này cho thấy thực tế đời sống rất phong phú, không thể lấy một quan điểm có sẵn – dù là sáng suốt – áp dụng vào mọi trường hợp mà phải vận dụng nó một cách biện chứng, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể.

Bài tập 3, 4

- Một HS đọc các yêu cầu của BT 3, 4. GV nhắc HS : như ví dụ (M), HS cần tìm những từ ngữ có thể đi kèm với từ *đẹp*.

- GV phát giấy khổ to cho HS trao đổi theo nhóm. Các em viết các từ ngữ miêu tả mức độ cao của cái đẹp. Sau đó đặt câu với một từ ngữ mới tìm được. Nhóm nào làm xong dán nhanh bài lên bảng lớp. Đại diện các nhóm đọc kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, tính điểm thi đua.

Lời giải :

Các từ ngữ miêu tả mức độ
cao của cái đẹp
Đặt câu

*tuyệt vời, tuyệt diệu, tuyệt trần, mê hồn, kinh hồn, mê li, vô cùng,
không tả xiết, khôn tả, không tưởng tượng được, như tiên*

– Phong cảnh nơi đây **đẹp tuyệt vời** (tuyệt đẹp, đẹp tuyệt trần, đẹp
tuyệt diệu, đẹp mê hồn, đẹp mê li, đẹp vô cùng, đẹp không tả xiết).

– Bức tranh **đẹp mê hồn** (tuyệt trần, vô cùng, không bút nào tả
xiết...).

– HS làm bài vào vở hoặc VBT (nếu có). Mỗi em viết ít nhất 5 từ ngữ và 1 câu.

3. Củng cố, dặn dò

– GV nhận xét tiết học. Biểu dương những HS, nhóm HS làm việc tốt.

– Yêu cầu HS về nhà HTL 4 câu tục ngữ trong BT1. Chuẩn bị mang đến lớp ảnh gia đình để làm BT2 (dùng câu kể *Ai là gì ?* giới thiệu từng người trong ảnh chụp gia đình – tiết LTVC tới).